

nghèo, gia thế. Một chế độ cai trị đơn thuần dựa trên quyền sống của người dân.

Bốn là, một hệ tư tưởng chung cho toàn dân, xuất phát từ truyền thuyết chung (truyền thuyết cha Rồng mẹ Tiên, sự thống nhất về nguồn gốc giữa đồng bào miền xuôi với đồng bào miền núi, truyền thuyết năm mươi người con theo cha lên núi, năm mươi người con theo mẹ xuống biển), một lịch sử chung, có nước là có sử, với một lãnh thổ chung được ghi chép rõ ràng, từng tấc đất, ai chiếm một tấc đất là đụng đến tổ quốc Việt Nam. Những đặc điểm này đều không có ở các nước DNA.

Cả bốn nhân tố này đều bắt nguồn từ Trung Quốc, không phải của văn hóa DNA, nhưng đều bị hoán cải theo tinh thần văn hóa Việt Nam. Người Việt Nam chỉ tiếp nhận một bộ phận của văn hóa Trung Quốc để củng cố độc lập của mình chứ không tiếp xúc trực tiếp với người Trung Quốc : các cha ông ta bút đàm chứ không giao dịch bằng ngôn ngữ.

Chính những nhân tố này đã khiến Việt Nam chuyển từ văn hóa DNA sang văn hóa Trung Hoa, nhưng cũng chính chúng góp phần tạo nên tinh thần yêu nước, bất khuất của dân tộc.

Chính Nguyễn Ai Quốc là người đầu tiên ý thức được truyền thống văn hóa này. Trong *"Lời kêu gọi Hội*

*Quốc Liên*" ngày 30 tháng 8 năm 1926, năm năm sau khi vào Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ai Quốc viết đoạn văn dưới đây mà ngày nay cũng không mấy người hiểu được giá trị phát hiện mới mẻ của nó :

*"Mặt khác, các bạn nghĩ xem, nước Việt Nam trước khi bị Pháp chiếm là như thế nào. Đó là một nước độc lập, biết khiến các láng giềng của nó kính trọng trong khi vẫn coi khinh chiến tranh và nghĩa vụ quân sự, trong khi để bảo vệ quốc phòng chỉ dùng đến dân binh (sa milice) của nó mà thôi. Đó là một nền dân chủ mà dưới cái vẻ quân chủ tuyệt đối vẫn hưởng quyền tự trị của làng xã, quyền tự do và chế độ học không mất tiền ở mọi cấp của giáo dục và đã gạt ra khỏi đất nước mình chế độ phong kiến và tầng lữ (la féodalité et le clergé). Đó là một dân tộc được thành lập trên cơ sở thống nhất ngôn ngữ, tôn giáo, chủng tộc, phong tục. Cuối cùng, theo lời thừa nhận của chính những nhân vật Pháp, người Việt Nam đã có một văn hóa đạo đức cao".*

Nếu chỉ xét các cuộc kháng chiến chống xâm lược thành công làm thành truyền thống quân sự độc đáo của dân tộc và đã đem đến thắng lợi, làm thành bài học cho đời sau, thì đó là truyền thống chiến đấu vì bất đắc dĩ của một hình thức đặc biệt của chiến tranh nhân dân (toàn dân kháng chiến, toàn quốc kháng chiến, toàn diện kháng chiến), cốt giành lấy trái tim hơn giành lấy đất, thành trì bảo vệ tổ quốc là ở nhân dân, không ở

thành lũy, không có cất đất cầu hòa, không dùng đại quân đánh ngay một trận được thua với địch ngay từ đầu mà biết né tránh mũi nhọn, đánh bại địch ở nơi mình chuẩn bị trước hay ở nơi địch bị lâm vào thế bị động, phá thế chủ động của địch bằng đủ mọi cách, lấy thế thắng lực, lấy chính nghĩa thắng bạo quyền. Hình thức chiến tranh này rõ rệt xuất phát từ văn hóa dân tộc. Trần Hưng Đạo đã ý thức được nó khi nói "*nếu quân địch đến ô at thì không đáng sợ, nhưng nếu nó đi con đường tầm ăn lá dâu thì đáng sợ*". Đã có hai lần chúng ta không theo truyền thống này và dẫn tới hai lần nội thuộc khiến nhân dân bắt buộc phải tiến hành một cuộc kháng chiến trường kỳ cực kỳ gian khổ theo đúng truyền thống quân sự dân tộc mới giành lại được độc lập.

Lần thứ nhất vào thời nhà Hồ, lo giữ thành, đốc chủ lực đánh trong khi chưa tạo được cho nhân dân một sự thống nhất về tư tưởng ; những chủ trương cải cách bị thi hành lệch lạc gây rối loạn trong nhân dân.

Lần như hai vào nửa cuối thế kỷ XIX, cất đất cầu hòa, chống lại nhân dân khởi nghĩa chống Pháp, lo xây những thành tốn bao công của mà vô dụng, bung cầu hòa mà lại không chịu đổi mới, không biết gì về địch mà muốn dùng ngoại giao khiến địch rút quân.

Như vậy là có truyền thống mà từ bỏ truyền thống, cho nên thất bại.

Truyền thống quân sự Việt Nam được thể hiện trong các cuộc kháng chiến dưới đây :

1. Kháng chiến bảo vệ tổ quốc đời Lí

2. Kháng chiến đánh bại quân xâm lược đời Trần.

3. Kháng chiến trường kì để giải phóng dân tộc của Lê Lợi.

4. Chiến tranh thần tốc đại phá quân Thanh của Quang Trung.

5. Chiến tranh nhân dân với quy mô lớn nhất có ý nghĩa thế giới trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đánh bại hai chủ nghĩa thực dân có tác động đến thế giới là chủ nghĩa thực dân cũ, và chủ nghĩa thực dân mới, dẫn tới sự cáo chung của chủ nghĩa thực dân và mở đường cho lịch sử thế giới hôm nay trong hòa bình, hợp tác, hữu nghị, phát triển.

Điều này nhắc nhở ta, có truyền thống thì phải giữ gìn nó, phát huy nó, làm cho nó thích hợp với hoàn cảnh hiện tại của thế giới, chứ không thể tự mãn với truyền thống biến nó thành sách lược cứng đờ. Phần tổng kết chỉ xét có truyền thống này thôi. Chúng tôi trình bày nó trong ba vấn đề :

1. Vấn đề xây dựng lực lượng và sử dụng lực lượng

2. Vấn đề đường lối chiến tranh nhân dân

### 3. Trách nhiệm người lãnh đạo.

Trong việc trình bày các vấn đề trên, chúng tôi cố gắng tìm ra đặc điểm riêng của chiến tranh Việt Nam trong quan hệ gắn bó với văn hóa Việt Nam. Các công trình bàn về quân sự đã có nhiều nhưng theo chúng tôi biết, chưa có công trình xét trong quan hệ với văn hóa.

#### **I. Vấn đề xây dựng lực lượng và bảo vệ lực lượng.**

Khi đối phương đem quân sang xâm lược Việt Nam, nó dựa trên một đạo quân nhà nghề thông thạo chiến đấu trực diện, có vũ khí có hiệu lực hơn nên chỉ mong muốn ta dàn quân ra đánh trận địa để nó tiện huỷ diệt. Nếu ta chấp nhận lối đánh của nó thì chắc chắn là thua. Cho nên nếu Trần Hưng Đạo dẫn quân ra ở đồng khô thì sẽ bị kị binh Mông Cổ diệt ngay, dù có anh dũng mấy cũng thua. Nếu Lê Lợi lo bảo vệ thành trì thì nhất định bị quân Minh với các vũ khí phá thành của nó đánh bại. Nếu ta đánh Pháp, Mỹ dựa trên vũ khí đơn thuần thì xe tăng, đại bác, phi pháo của nó tha hồ tung hoành. Do đó, Trần Hưng Đạo kéo kị binh Mông Cổ vào đồng chiêm, kị binh làm được gì. Lê Lợi cất viện binh, đánh úp vào các đồn lũy, bao vây các thành, chặt đứt đường giao thông, xoi dịch ở Chi Lăng nơi địch hoàn toàn không chuẩn bị. Ta kéo Pháp và Mĩ vào rừng, lấy địa thế phá sức mạnh vũ khí, đánh nhanh rút nhanh, kéo quân địch vào thiên la địa võng của

chiến tranh nhân dân, chỉ thấy chết mà không biết vì sao lại chết. Đó là đường lối Trần Hưng Đạo mở đầu "*dùng đoản binh thắng trường trận*". Chỉ chiến tranh nhân dân mới thực hiện được biện pháp đánh này.

Lối đánh này có từ thời đánh bại quân Tần, thành công thời Hai Bà Trưng, chiến thắng thời Trần, thời Lê, và là nổi kinh hoàng của hai chủ nghĩa thực dân thời Hồ Chí Minh.

Quân xâm lược không thể nào thực hiện được chiến tranh nhân dân, do đó không thể có hậu cần nhân dân. Quân càng đông, khả năng hậu cần càng bất lực. Khoét sâu vào nhược điểm này, tổ tiên ta tập trung đánh vào dạ dày của địch.

Dũng cảm, mưu trí, bí mật, bất ngờ, nắm chớp thời cơ là những đức tính không thể thiếu của người cầm quân. Để phát huy khả năng này ta có những biện pháp :

*(1) Tích cực chủ động và chủ động tiến công.*

Trong chiến tranh, ta lúc đầu thường ở thế bị động. Phàm đã là người cầm quân thì phải lo mọi cách biến bị động thành chủ động. Chỉ có như vậy mới làm chủ được tình thế và chỉ đạo được chiến cuộc để đi đến thắng lợi. Phòng ngự chỉ là tạm thời để chuẩn bị sang tấn công. Có lúc để chuẩn bị tốt phải tấn công trước. Lý Thường Kiệt đã làm thế khi tấn công hai châu Ung,

Khiêm để bề gầy cuộc tấn công xâm lược của địch. Trong khi địch tấn công ồ ạt, có khi phải tạm thời rút quân để bảo toàn lực lượng. Trường hợp Tôn Sĩ Nghị đem quân sang, vì chưa kịp chuẩn bị đối phó nên quân ta phải rút về Tam Điệp để cho giặc chiếm Thăng Long. Trong chiến tranh chống Pháp và Mĩ, chúng ta chiến đấu ở thành phố một thời gian đủ để kìm chân địch, chuẩn bị cho nhân dân cả nước có điều kiện đối phó chứ không tung hết chủ lực ra chiến đấu sống mái với quân địch. Ta chỉ tấn công ở những nơi, những lúc ta có điều kiện, mà không chiến đấu trong hoàn cảnh và điều kiện địch chuẩn bị để đánh ta. Lỗi tấn công của Việt Nam tóm lại là không chấp nhận một cách chiến đấu địch chờ đợi ở ta, bắt địch phải đánh theo một lối đánh đối phương không thể ngờ được và chính vì vậy địch luôn luôn bị động.

*(2) Kết hợp đánh tiêu hao với đánh tiêu diệt, lấy tiêu diệt làm then chốt để chuyển tình thế.*

Có đánh tiêu diệt mới xoay chuyển được tình thế, mới thay đổi được tương quan lực lượng, mới giải phóng được đất đai, mới tiêu diệt được ý chí xâm lược của quân thù. Những trận Bạch Đằng, Chi Lăng, Xương Giang, Thăng Long, Đông Khê, Điện Biên Phủ đều là những trận tiêu diệt lừng danh. Trong chiến dịch giải phóng Biên giới 1950, chỉ một đòn đánh tiêu diệt vị trí Đông Khê, tiếp theo tiêu diệt hai binh đoàn Lo-pa và

Sac-tông, quân đội Việt Nam đã giải phóng toàn bộ đường số 4 từ Cao Bằng đến Tiên Yên, Móng Cái. Chỉ một đòn tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ (1954), quân đội Việt Nam đã giải phóng được một nửa đất nước. Hà Nội, Hải Phòng được giải phóng mà không tốn một viên đạn, không bị tàn phá... Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, quân dân Việt Nam tiêu diệt trên một vạn ruồi quân địch, khi ấy lực lượng quân đội Pháp còn trên 55 vạn, mặc dù vậy trận đánh tiêu diệt ở Điện Biên Phủ đã tạo cho Việt Nam một thế mạnh buộc quân đội phải kí hiệp định Giơnevơ, rút lui khỏi một nửa nước Việt Nam. Một trận tiêu diệt ở Buôn Mê Thuột thay đổi toàn bộ thế trận dẫn tới Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng toàn quốc năm 1975.

Trong chiến tranh nhân dân, tiêu diệt có trọng điểm phải luôn luôn kết hợp với đánh tiêu hao, làm sát thương địch một cách rộng rãi.

Nhiều tiêu hao nhỏ gộp lại thành một tiêu hao lớn. Trong cách tổ chức ba thứ quân, mỗi thứ quân đều có chức năng riêng. Phát huy cao độ tác dụng của ba thứ quân, tức là phát huy cao sức mạnh của chiến tranh nhân dân, biết kết hợp chặt chẽ đánh địch phân tán với đánh tập trung, đánh tiêu diệt với đánh tiêu hao, đánh du kích với đánh chính quy, ghìm chân địch ở khắp nơi để giáng những đòn trí mạng vào nơi quyết định. Với cách đánh phối hợp như thế, đặt chân lên đất Việt Nam



địch bị đánh không chỉ trước mặt mà cả sau lưng, ngay cả nơi sào huyệt tướng là yên ổn nhất. Lực lượng sẽ vì thế suy yếu dần. Địch không tài nào phân biệt được trong số những người xung quanh mình ai sẽ giết mình. Không gì làm tinh thần suy sụp hơn là đánh với một kẻ địch xuất hiện bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu mà mình lại không thể phân biệt được. Dù binh hùng tướng mạnh đến đâu cũng không thể chống lại một cuộc chiến tranh toàn dân, toàn quốc, toàn diện, không có diện mạo, không có hình thức nhất định, thiên biến vạn hóa. Và cuối cùng, khi tương quan lực lượng thay đổi thì bằng một đòn phản công chiến lược quyết định, quân và dân Việt Nam quét sạch bóng quân thù, đem lại toàn thắng cho tổ quốc, rửa mối nhục nô lệ.

### *(3) Tư tưởng vừa chiến đấu vừa xây dựng.*

Quân đội Việt Nam chúng ta hiện nay là xuất phát từ một đội tuyên truyền võ trang chỉ có 34 người, nay đã trở thành một quân đội hùng mạnh giải phóng được đất nước, chiến thắng được những đạo quân nhà nghề hùng mạnh. Đó là nhờ biết vừa chiến đấu, vừa xây dựng. Lê Lợi sau khi khởi nghĩa đã nhiều lần thất bại, quân đội tan tác, nhưng rồi lại phục hồi sức lực, lớn mạnh nhanh chóng để giải phóng đất nước. Đó là vì chúng ta biết vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng.

Quan điểm vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng chỉ có thể thực hiện khi toàn dân thấy thực tế không

còn con đường nào nữa, cuộc chiến đấu là bắt buộc, khi toàn dân thấy rõ chính nghĩa của cuộc kháng chiến và quân đội ta rõ ràng là một quân đội theo chính nghĩa, bảo vệ truyền thống nhân nghĩa của nhân dân, một quân đội hoàn toàn vì dân.

Quân đội Việt Nam không ngừng được bổ sung từ lực lượng vô tận của nhân dân. Con người sinh ra không phải để giết người mà để lao động, kiếm sống bằng mồ hôi nước mắt của mình. Anh ta chỉ chiến đấu khi đây là cách duy nhất giữ lấy nhà cửa, ruộng vườn, nhân cách của mình, bảo tồn giống nòi mình. Cần phải chuẩn bị từng bước, từ dân quân, quân địa phương, quân chính quy. Vũ khí bao gồm cả những vũ khí tự tạo lẫn vũ khí lấy của địch để đánh địch. Cần phải tạo nên một sự nhất trí trong toàn quân về nhiệm vụ chiến đấu. Xây dựng lực lượng tốt thì chiến đấu sẽ dễ dàng.

Giải quyết tốt quan hệ giữa chiến đấu và xây dựng lực lượng quân sự. Việt Nam có truyền thống "*ngụ binh w nông*". Ngày nay ngoài quân đội thường trực, ta có dân quân tự vệ và bộ đội địa phương được huấn luyện thích hợp và sẵn sàng chiến đấu khi cần đến.

Trong việc tiêu diệt địch không thể theo chiến lược biến người để giành chiến thắng với những tổn thất to lớn về nhân sự. Mức độ kết quả đạt được về tiêu diệt địch phải xét trong quan hệ với tổn thất của ta, đó là thước đo tài nghệ, trình độ và trách nhiệm của người

chỉ huy đối với vận mệnh đất nước và tính mệnh quân sĩ.

Để xây dựng lực lượng, kỉ luật thép là cần, nhưng điều còn cần hơn, đó là tình nghĩa. Trong quân đội Việt Nam, xưa cũng như nay, có truyền thống coi nhau như anh em ruột thịt, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi. Ngoài lúc chiến đấu ra, không có sự phân biệt gay gắt giữa người trên kẻ dưới mà có sự bình đẳng, dân chủ. Đây là một truyền thống đặc biệt Việt Nam, rất cao quý và tốt đẹp, cần được duy trì. Chính nhờ truyền thống này mà khi vào quân ngũ, người lính không cảm thấy mình chỉ là một công cụ, trái lại anh ta là con người và chiến đấu vì danh dự của con người Việt Nam. Không phải quyền lợi vật chất, cái đẹp y phục, sự dãi ngộ lôi cuốn người ta gia nhập quân đội, mà trước sau là sự nêu gương. Nhân dân hi sinh cho nước vì nhìn thấy cạnh mình những con người rõ ràng hi sinh cho nước, vui vẻ từ bỏ những dãi ngộ riêng để lo cho dân, tin dân. Các quân nhân nước ngoài đều ngạc nhiên tại sao trong quân đội Việt Nam sĩ quan và lính không có gì phân biệt trong y phục mà vẫn chỉ huy được, thống nhất ý chí được. Những người trong một đơn vị là người trong một nhà, chiến đấu cho làng, cho nước. Việt Nam không có truyền thống vào quân đội để được phong hầu, ăn trên ngồi trốc, chỉ có truyền thống chiến đấu vì trách nhiệm, để làm đúng con người của văn hóa Việt Nam.

## II. Đường lối chiến tranh nhân dân

Truyền thống quân sự Việt Nam tiêu biểu nhất bởi đường lối chiến tranh nhân dân.

Không phải chỉ có Việt Nam thi hành đường lối này, nhưng cách thực hiện của Việt Nam có những điểm rất đặc biệt xuất phát từ văn hóa của mình, cho nên chiến tranh nhân dân ở đây khác ở mọi nước. Nói đến chiến tranh nhân dân người ta thường nhắc đến cuộc chiến tranh ở Tây Ban Nha kìm chân quân đội Na-pô-lê-ông làm hao tổn lực lượng quân Pháp, cuộc chiến tranh của Nga đánh bại quân đội Na-pô-lê-ông, cuộc chiến tranh ở Trung Quốc đánh bại phát xít Nhật. Nhưng chiến tranh nhân dân ở Tây Ban Nha chủ yếu là chiến tranh thành thị. Chiến tranh nhân dân ở Nga, chủ yếu là giữa hai lực lượng rất lớn, ngang nhau, kết hợp với việc quân Nga lợi dụng địa bàn mênh mông, khí hậu băng giá. Trong chiến tranh nhân dân ở Trung Quốc, tuy có sự thống nhất trong việc đánh Nhật của chiến tranh giải phóng nhưng lại ngầm chứa sự xung đột sẽ dẫn tới nội chiến của đấu tranh giai cấp. Chiến tranh nhân dân Việt Nam gần đây trong khi có rút kinh nghiệm của chiến tranh nhân dân ở Trung Quốc lại diễn ra với những đặc điểm của một tâm thức riêng.

*1. Chiến tranh nhân dân Việt Nam là chiến tranh giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc.*

Nó không phải là chiến tranh cho một dòng họ,

cho một triều đại. Khi dòng họ và triều đại là đại biểu chân chính cho cuộc chiến tranh này thì triều đại, dòng họ lãnh đạo. Trường hợp nhà Lí, nhà Trần. Khi dòng họ đó đã để mất nước thì nhân dân từ bỏ dòng họ, tập hợp xung quanh con người đại biểu cho cuộc chiến tranh. Trong cuộc kháng chiến chống Minh, nhà Trần, nhà Hồ không lôi cuốn được nhân dân mà nhân dân theo Lê Lợi. Khi một ông vua rước giặc về thì uy tín cả triều đại sụp đổ. Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ nhất chỉ để làm rể vua Lê rồi trở về. Nhưng khi Chiêu Thống đem quân Thanh về thì toàn bộ uy tín đánh giặc cứu nước của Lê Thái Tổ bị huỷ hoại. Nguyễn Huệ lên ngôi ngay ở Phú Xuân vì nhân dân cần đến con người đuổi giặc, cứu nước mà chỉ có Nguyễn Huệ mới xứng đáng. Nguyễn Huệ tức tốc ra Bắc lấy ngay quân không ở đâu hết mà chính ở Thanh-Nghệ là đất thánh trước đây của nhà Lê, với nhân dân là nền tảng cho cuộc kháng chiến chống Minh và chỗ dựa của nhà Hậu Lê, trước kia là đất kiêu binh. Cũng chính những con người Thanh-Nghệ đã nhất tề hưởng ứng theo Nguyễn Huệ đuổi quân Thanh và Lê Chiêu Thống ra khỏi bờ cõi. Bảo Đại lại đi theo vết xe đổ của Chiêu Thống cho nên được hưởng số phận của Chiêu Thống, làm nhục cả dòng họ mình.

Tâm thức này của nhân dân Việt Nam là rất tiêu biểu, không giống tâm thức người Trung Quốc. Vì nước là của dân, do dân tạo ra, cho nên mỗi khi đất nước lâm

nạn, ai cứu được nước người ấy làm vua. Để cai trị làm chủ nhân dân Việt Nam phải có một tiêu chuẩn và đó là tiêu chuẩn duy nhất. Không phải dòng họ, gia thế, của cải, uy tín cha ông. Trong danh sách các người lãnh đạo được người Việt chấp nhận không có ngoại lệ : Trung Trắc, Lý Nam đế, Triệu Trinh Nương, Triệu Việt Vương, Mai Hắc Đế, Bồ Cái Đại Vương, Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Lí Công Uẩn... tất cả tuy có khác nhau về giới, về thành phần, về lí lịch, nhưng đều là những người được chọn theo một tiêu chuẩn duy nhất của văn hóa Việt Nam : đó là người cứu được dân, được nước. Người Việt Nam là con người tổ quốc luận, không phải con người kinh tế luận. Với một nhân dân khác, tiền của, chức tước có thể ảnh hưởng, nhưng với nhân dân Việt Nam thì không. Hồ Chí Minh nói thẳng với dân *"Chiến tranh có thể kéo dài năm năm, mười năm, hai mươi năm, hay lâu hơn nữa"*, *"Kháng chiến trường kỳ và gian khổ"* mà dân vẫn theo.

Một nhân dân nhân cách luận đòi hỏi những người lãnh đạo họ phải mẫu mực. *"Đảng viên đi trước, làng nước theo sau"*, *"Đễ trăm lần, không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong"*. Một nhân dân anh hùng, đạo đức, cần kiệm, liêm chính, đòi hỏi người lãnh đạo cũng phải như họ.

2. *Chiến tranh nhân dân là chiến tranh vì dân, và*

*chính là chiến tranh vì dân cho nên nó cũng sẽ do dân tiến hành.*

Khi thành lập "Đội tuyên truyền giải phóng quân Việt Nam" đồng chí Võ Nguyên Giáp có đọc 10 lời thề, trong đó có những lời thề dưới đây :

*"Xin thề*

*"1. Hi sinh tất cả vì Tổ quốc Việt Nam , chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để tiêu diệt bọn phát - xít Nhật, Pháp và bọn Việt gian phản quốc, làm cho nước Việt Nam trở nên một nước độc lập, dân chủ, ngang hàng với các nước dân chủ trên thế giới...*

*"9. Khi tiếp xúc với dân chúng sẽ làm đúng ba điều răn : không lấy của dân - không dọa nạt dân - không quấy nhiễu dân và ba điều nên : kính trọng dân - giúp đỡ dân - bảo vệ dân để gây lòng tin cậy với dân chúng, thực hiện quân dân nhất trí, giết giặc cứu nước".*

Những điều này là phát huy trong hoàn cảnh mới của thế giới, chính đường lối chiến tranh nhân dân của cả dân tộc và đã được thực hiện nghiêm chỉnh trong quan hệ với dân bởi các cuộc kháng chiến trước đây mà rõ rệt nhất là cuộc kháng chiến của Lê Lợi.

*3. Chiến tranh nhân dân là chiến tranh bảo vệ quyền lợi nông dân*

Vì nước Việt Nam là một nước nông nghiệp, trên

90 % là nông dân, đa số chiến binh là nông dân cho nên đường lối chiến tranh nhân dân trước tiên phải lo bảo toàn kinh tế, cuộc sống người nông dân. Thời Trần đã có chủ trương "*Ngu binh ư nông*", làm sao cho người nông dân có ăn có mặc để khi cần, tham gia chiến đấu và làm công tác hậu cần có kết quả. Trong cách mạng, nông dân là quân chủ lực. Từ xa xưa, các đời Trần, đời Lí, đời Lê đều có chính sách ưu đãi đối với quân nhân xuất thân từ nông dân. Cách mạng đã thi hành chính sách giảm tô, giảm tức rồi chính sách cải cách ruộng đất. Dù có những sai lầm, thực tế đã diễn ra một sự thay đổi thân phận, địa vị, diện mạo của người nông dân, tạo nên sự phấn khởi trong đông đảo nhân dân lao động khiến nông dân Việt Nam không hề tiếc máu xương, của cải, theo cách mạng đến cùng.

Nông dân là người lao động cần cù, nhất là nông dân trồng lúa nước quen sống với đấu tranh chống thiên tai, cho nên có khả năng chiến đấu bền bỉ phi thường. Nhưng do lối sống phân tán của nền sản xuất nhỏ nên cũng có những nhược điểm, tư tưởng hẹp hòi, bè cánh, nhìn gần. Hồ Chí Minh chống lại việc "*nịnh nông dân*", tư tưởng "*nông dân chủ nghĩa*" có thể tạo nên những hậu quả nghiêm trọng, bệnh tả khuynh khá phổ biến không nhìn thấy toàn cục, cách làm ăn tùy tiện, lối sống "*đèn nhà ai nhà nấy rạng*" rất bất lợi cho công cuộc đổi mới, hiện đại hóa đất nước.



4. *Chiến tranh nhân dân là chiến tranh gắn chặt với đồng bào miền núi.*

Trong quan điểm chiến tranh nhân dân phục vụ quyền lợi nông dân cũng có nước làm được, nhưng chiến tranh nhân dân được sự ủng hộ quên mình của đồng bào miền núi và phụ nữ hình như là đặc điểm riêng của Chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Trước hết chúng tôi thấy không nên dùng danh từ "*Dân tộc thiểu số*", một thuật ngữ của dân tộc học phương Tây, phân chia trên số lượng. Chúng tôi thấy dùng danh từ đồng bào miền núi là thích hợp với truyền thống văn hóa ta hơn. Họ là đồng bào cùng thoát thai từ bọc trứng của Bà mẹ Âu Cơ, rồi lên núi theo cha trong khi người Kinh theo mẹ xuống biển.

Nếu ta nhìn ngược lịch sử, nhất là lịch sử các nước DNA ta sẽ thấy rõ ràng ở các nước này, đồng bào miền núi cho đến giờ vẫn là một chuyện nhức nhối. Đó là nơi bọn bá quyền, thực dân lợi dụng, gây nên chia rẽ. Lịch sử diễn ra với sự xung đột không ngừng giữa những người miền núi và những người đồng bằng, do chỗ có được đất đai thuận tiện hơn cho việc trồng trọt cho nên thường có những hành vi không lợi cho người miền núi.

Trong chiến tranh cứu nước của Việt Nam có một tình trạng khác hẳn. Trong mọi cuộc kháng chiến xưa cũng như nay, miền núi là cơ sở đất thánh của kháng chiến, là nơi gieo rắc kinh hoàng cho mọi đạo quân xâm

lược. Đồng bào miền núi là người hi sinh nhiều nhất và dũng cảm nhất, trung kiên nhất, là thành đồng vách sắt. Đồng bằng nhiều lúc bị chiếm, nhưng miền núi trước sau ngoan cường. Các cuộc kháng chiến thời nội thuộc Trung Hoa là xuất phát từ rừng núi, cuộc nổi dậy của Lê Lợi cũng thế, và những trận tiêu diệt chiến xảy ra ở chính địa bàn của đồng bào miền núi. Trong cuộc cách mạng này, hai đất thánh của cách mạng là núi rừng Việt Bắc và núi rừng Tây Nguyên.

Không phải ngẫu nhiên mà đồng bào miền núi gắn bó với Tổ quốc đến như vậy. Vua chúa ngày xưa đối xử nhẹ nhàng với các thủ lĩnh miền núi. Các vua Lí, Trần gả con gái cho họ, không kinh hóa họ, không lợi dụng sự khôn khéo của mình làm thiệt hại tới quyền lợi kinh tế, văn hóa của họ. Cần phải có những chính sách thích hợp để đối xử với đồng bào miền núi theo đúng "tình nghĩa trước sau" của văn hóa dân tộc. Cứ nhìn tình hình thế giới hiện nay thì biết. Bệnh ham lợi nhỏ quên lợi lớn, nhìn gần không nhìn xa, đã tạo nên bao hậu quả tai hại mà ta bắt gặp ở châu Âu và châu Á.

5. *Chiến tranh nhân dân là chiến tranh bảo vệ hạnh phúc của phụ nữ.*

Điều phi thường của Chiến tranh nhân dân Việt Nam là nó không những động viên được tinh thần yêu nước vô song của phụ nữ, mà nhiều khi là bắt rễ từ yêu cầu hạnh phúc của phụ nữ.

Nước nào chẳng có những anh hùng, nhưng một đất nước toàn nữ anh hùng thì chỉ có Việt Nam. Người đàn bà không hề muốn làm anh hùng. Nam giới mới có mộng anh hùng, nữ giới chỉ khao khát hạnh phúc. Hạnh phúc đối với họ không phải là tiền của, có địa vị cao sang, mà một cuộc sống yên ổn, có người chồng chung thủy, những đứa con ngoan, trung hiếu, làm rạng rỡ gia phong, sống trong tình yêu thương đùm bọc của bà con, làng xóm. Cuộc sống đơn sơ, ước mơ nhỏ nhỏ, đó là thâm tâm của họ. Nhưng "Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh", điều đó phụ nữ Việt Nam thấm nhuần hơn ai hết. Khi đã chiến đấu vì chính nghĩa và vì bất đắc dĩ thì không ai anh hùng bằng phụ nữ, khi phụ nữ đã đứng lên thì không một sức mạnh nào chống lại nổi, bởi vì đây là lương tâm dân tộc thức tỉnh và nó sẽ thức tỉnh cả thế giới.

Không thể kể hết những nữ anh hùng của dân tộc. Chỉ nói trong cuộc kháng chiến vừa qua có bao nhiêu là nữ dân công, nữ thanh niên xung phong, nữ chiến sĩ, nữ giao liên, các cô gái đảm đang và cao hơn hết là các bà mẹ anh hùng, các nữ cách mạng. Đối với phụ nữ không có gì tha thiết với họ hơn là chồng con. Làm gì có phụ nữ hi sinh chồng con vì quyền lợi kinh tế? Nhưng số phụ nữ hi sinh chồng con vì độc lập, thống nhất là hàng triệu, số bà mẹ được phong anh hùng, chỉ xét trong chiến tranh chống Mỹ thôi đã hàng chục vạn. Gia đình Việt Nam nào mà chẳng có những cô gái, những

người vợ, những bà mẹ như thế? Nhìn bên ngoài họ có thể ít tô son điểm phấn, có thể lông mi chưa cong, cái ngực chưa nở. Nhưng chỉ có họ mới hiểu giá trị của hạnh phúc. Và chiến tranh nhân dân là gì, nếu không phải là chiến tranh để bảo vệ hạnh phúc hợp lí nhất của con người, bảo vệ chính cái điều một con người không nhà, không cửa, không vợ con khẳng định là ham muốn tốt bậc của mình?

6. *Chiến tranh nhân dân Việt Nam kết hợp đánh đảm phán và sử dụng chính sách "Tâm công".*

Chiến tranh Việt Nam còn một đặc điểm rất tiêu biểu cho văn hóa dân tộc là nó kết hợp đánh và đảm phán dùng chính sách *tâm công* để hoàn tất sự thắng lợi quân sự.

Một nước xâm lược phải tạo ra một lí luận để che giấu mưu đồ xâm lược và thúc đẩy hàng triệu người chết cho nó. Lí luận của vua chúa Trung Quốc là chủ nghĩa Đại Hán. Chủ nghĩa này mượn có mở rộng bờ cõi để khuếch trương văn hóa, thường nhân lúc một nước bên cạnh có mâu thuẫn trong chính sự, chẳng hạn một ông vua chết đi, ở triều đình lục đục, lấy tiếng điệu dân phạt tội để đem quân sang. Nó là trái ngược với truyền thống Khổng giáo của Trung Hoa, Khổng tử không hề chủ trương sử dụng vũ lực để đàn áp các dị tộc mà chủ trương dùng văn hóa để lôi kéo các dị tộc theo văn hóa Hán. Thực dân Pháp mượn có bảo vệ đạo Thiên Chúa và khai hóa các dân tộc lạc hậu, nhưng lí luận này là